

Bản án số: 462 /2019/DS-ST

Ngày: 30 -10-2019

V/v “Tranh chấp thừa kế”

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lệ Quyên

2. Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh M - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên

Trong các ngày 24 và 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 372/2017/TLST-DS ngày 20/11/2017 về việc “ Tranh chấp thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 120/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K(chết ngày 13/6/2018)

Địa chỉ: Số 399/18 đường Lý Th t, Phường h, Quận m, Thành phố Hồ C

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

-LBà V Thị Q, sinh năm 1943

Địa chỉ: Số 369/17 đường Lý Th t, Phường h, Quận m, Thành phố Hồ C

Người đại diện theo ủy quyền của bà Q: Ông Trần Sĩ L.

Địa chỉ: Số 369/17 đường Lý Th t, Phường h, Quận m, Thành phố Hồ C

- Bà V Thị H, sinh năm 1951

Địa chỉ: Số 32/53/63 đường Ông Ích K, Phường h, Quận g, Thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà V Thị H H.

Địa chỉ: Số 32/53/63 đường Ông Ích K, Phường h, Quận g, Thành phố H

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà V Thị H và LBà V Thị Q: bà Võ Kim T- luật sư thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 9 V Lạc Long Q, phường a, Quận v, Thành phố H.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị A, sinh năm 1949

Địa chỉ: Số 399/20 đường Lý Th t, Phường h, Quận m, Thành phố Hồ C

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà V Thị Kim T và bà V Thị Kim

C

Cùng địa chỉ: Số 399/20 đường Lý Th t, Phường h, Quận m, Thành phố Hồ C

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà V Thị N, sinh năm 1942

Địa chỉ: Số 373/199 đường Lý Thường K, Phường h, Quận Tân B, Thành phố

g

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Bà Đặng Linh T

Địa chỉ: Số 373/199 đường Lý Thường K, Phường h, Quận Tân B, Thành phố g

2/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962

3/ Bà V Thị M H, sinh năm 1983

4/ Phan Duy A, sinh năm 2019

Người đại diện theo pháp luật của Phan Duy A là: Bà V Thị M H và ông Phan Tiến V

C

Cùng địa chỉ: Số 399/18 đường Lý Th t, Phường h, Quận m, Thành phố Hồ

5/ Ông V Minh T, sinh năm 1984 .

Thường trú : Số 399/18 đường Lý Th t, Phường h, Quận m, Thành phố Hồ C

Tạm trú: chợ Tân Phong, ấp Sân Bay, xã Tân Phong, huyện Tân B, tỉnh T

6/ Bà V Thị Q, sinh năm 1943

Địa chỉ: Số 369/17 đường Lý Th t, Phường h, Quận m, Thành phố Hồ C

Người đại diện theo ủy quyền của bà Q: Ông Trần Sĩ L

Địa chỉ: Số 369/17 đường Lý Th t, Phường h, Quận m, Thành phố Hồ C

7/ Bà V Thị H, sinh năm 1951

Địa chỉ: Số 32/53/63 đường Ông Ích K, Phường h, Quận g, Thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà V Thị H H.

Địa chỉ: Số 32/53/63 đường Ông Ích K, Phường h, Quận g, Thành phố H

8/ Bà V Thị H, sinh năm 1945

Địa chỉ: Số nhà 662/24/27 đường Lê Văn K, khu phố h, phường Thới A, Quận m, Thành phố Hồ Chí Minh.

9/ Bà V Thị Kim T, sinh năm 1971

10/ Bà V Thị Kim T, sinh năm 1973

11/ V Như P, sinh năm 2007

Người đại diện theo pháp luật của V Như P: Bà V Thị Kim T.

12/ Ông V Đình B, sinh năm 1975

13/ Bà V Thị Kim C, sinh năm 1979

14/ Bà V Thị Kim C, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Số 399/20 đường Lý Th t, Phường h, Quận m, Thành phố Hồ C

15/ Văn phòng công chứng Tru T

Địa chỉ: Số 454 đường Nguyễn Thị Mi K, phường m, Quận f, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2017, biên bản hòa giải, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan LBà V Thị Q và Bà V Thị H trình bày :

Bà Nguyễn Thị Kvà ông Nguyễn Văn Tchung sống không có đăng ký kết hôn, bà K và ông T có 02 người con chung là LBà V Thị Q và Bà V Thị H. Năm 1951 ông Thảo chết.

Năm 1952 bà Kchung sống có đăng ký kết hôn với ông V Đức T, ông T và bà K có 1 người con chung là ông V Đức Th (chết năm 2003); ông Th có vợ là Bà Nguyễn Thị M và 2 con là V Thị M H; V Th S; ông S chết năm 2002 không có vợ con.

Ông T có vợ là bà Nguyễn Thị Th (chết năm 1952); ông T và bà Th có 03 người con chung là: ông V Đình Tr, Bà V Thị N và Bà V Thị H.

Ông V Đình Tr (chết năm 2004) có vợ là Bà Trần Thị A và 5 người con chung là: Bà V Thị Kim T; Bà V Thị Kim T; Ông V Đình B; Bà V Thị Kim C và Bà V Thị Kim C.

Tài sản chung của ông T và bà K là nhà đất số 399/18 đường L Th T, Phường m, Quận s, Thành phố k và số 399/20 đường Lý Th t, Phường h, Quận m, Thành phố Hồ C Năm 1985 ông V Đức T chết không để lại di chúc; ngày 13/6/2018 bà K chết có để lại di chúc cho LBà V Thị Q và Bà V Thị H được hưởng phần quyền sở hữu sử dụng của bà K đối với hai căn nhà nêu trên.

Nay bà Q và bà H yêu cầu Tòa án công nhận di chúc số 007561, quyền số 07TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/7/2017 do Văn phòng công chứng Tru T lập và được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất số 399/18 L Th T, Phường m, Quận s, Thành phố k và $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất số 399/20 L Th T, Phường m, Quận s, Thành phố k theo di chúc tại thời điểm thi hành án và các phần còn lại đề nghị Tòa xử theo quy định pháp luật. Không yêu cầu nhận nhà.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn -Bà V Thị Kim T tại bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày: Bà thống nhất về di sản thừa kế mà ông T và bà K chết để lại và các hàng thừa kế đúng như nguyên đơn trình bày. Bà không đồng ý chia theo di chúc của bà K mà chia theo luật.

Bà V Thị N có đại diện theo ủy quyền Bà Đặng Linh T và Bà V Thị H trình bày: Cùng thống nhất nội dung trình bày về hàng thừa kế và di sản thừa kế như nguyên đơn trình bày nhưng không đồng ý chia theo di chúc của bà K mà chia theo vi bằng lập ngày 26/8/2015.

Bà V Thị M H, ông Phan Tiến V, Ông V Minh T, bà Thùy, ông Bảo, bà Châu và Văn phòng công chứng Tru T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà V Thị Kim T, Bà V Thị Kim C, Bà V Thị Kim C tại bản tự khai trình bày: Không đồng ý chia di sản của bà K và ông T theo ý kiến biên bản hòa giải ngày 07/8/2018 tại Tòa án vì hiện nay gia đình bà không có căn nhà nào để ở ngoại trừ nhà số 399/20 Lý Th Tổ, phường 9, Quận 10.

Ông V Đình B trình bày: Ông không đồng ý pH chia tài sản thừa kế của ông V Đức T và Bà Nguyễn Thị Kvì trước đây khi ông bà còn sống đã pH chia căn nhà số 399/18 đường Lý Th T, phường M, Quận Hcho ông V Đức Th và căn nhà số 399/20 đường Lý Th T, phường M, Quận Hcho ông V Đình Tr.

Các đương sự không ai có yêu cầu nhận nhà, thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Q và bà H-bà Võ Kim T trình bày : Đề nghị Tòa án công nhận di chúc của bà Khợp pháp, phần sở hữu của bà Kchia theo di chúc và phần của ông T chia theo pháp luật.

Ông L, bà H , bà Kim T, bà C, bà Linh Tr, bà M và bà Hi thống nhất với ý kiến đã trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải, thống nhất về hàng thừa kế như lời khai của bà Q và bà H trình bày nêu trên.

Bà H, ông L, bà Linh T và bà M trình bày: Đồng ý tự nguyện hỗ trợ cho bà Aтиền công sức đóng góp, sửa chữa căn nhà theo như bà lời của bà Atrình bày 48.000.000 đồng thì bà Q, bà H, bà N và bà M mỗi người chịu 12.000.000 đồng sẽ giao cho bà Akhi nhận phần di sản thừa kế của mình.

Tất cả các đương sự thống nhất giá trị nhà đất số 399/18 và 399/20 Lý Th T, phường M, Quận Htại Biên bản định giá ngày 18/10/2018 và Biên bản định giá ngày 31/8/2018, không có yêu cầu định giá lại.

Đại diện Viện kiểm sát nH dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

-Về thủ tục tố tụng : Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật, có nộp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Bà H, ông V, ông Th, bà Th, bà Ch, ông Bvà Văn phòng công chứng Tru T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông V, ông Th, bà Th, bà Ch, ông Bvà Văn phòng công chứng Tru T là phù hợp với quy định pháp luật.

-Về nội dung: Xét thấy, căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 24157/2001 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/10/2001 cho ông T và bà K; căn cứ vào Giấy bán nhà ông T và bà Kmua của ông Phạm Tấn Thành có xác nhận của quận trưởng Quận 5 ngày 30/7/1965 đã trước bạ ngày 27/6/1973 có cơ sở xác định căn nhà số 399/18 đường Lý Th T, phường M, Quận Hvà căn nhà số 399/20 đường Lý Th T, phường M, Quận Hlà di sản do ông T và bà Kchết để lại.

Xét di chúc của bà Khợp pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận di chúc, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là L Bà V Thị Q và Bà V Thị H; chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Q và bà H, chia phần di sản của bà K theo di chúc cho bà Q và bà H; phần di sản của ông T chia theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy ông V Đức T chết ngày 28/12/1985 căn cứ vào Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nH dân tối cao thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế tính từ ngày 10/9/1990; ngày 19/7/2017 bà Knộp đơn khởi kiện; căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2105 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với bất động sản là 30 năm; do đó, thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với phần di sản của ông T còn và yêu cầu của bà Q và bà H về chia thừa kế do ông T và bà K chết để lại, vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về thừa kế” theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các bên yêu cầu chia tài sản thừa kế là căn nhà căn nhà số 399/18 đường Lý Th T, phường M, Quận H và căn nhà số 399/20 đường L Th T, Phường m, Quận s, Thành phố k nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân Quận 10 theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng:

[3.1] Xét trích sao bản án dân sự số 86/HN-ST ngày 23/12/1997 của Tòa án nH dân Quận 10 có cơ sở xác định LBà V Thị Q và Bà V Thị H là con của ông Nguyễn Văn T(chết) và bà Nguyễn Thị K; do đó bà Q và bà H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K.

[3.2] Xét căn cứ trích lục khai sinh số 1393 ngày 23/5/2019 và bản án số 91/DS-ST ngày 18/11/2003 của Tòa án nH dân Quận 10 có cơ sở xác định ông V Đức Th là con của ông V Đức T và bà Nguyễn Thị K; ông Th chết năm 2003.

[3.3] Xét giấy công nhận kết hôn số 06, quyển số 01 do Ủy ban nH dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/1982 có cơ sở xác định ông V Đức Th và Bà Nguyễn Thị M là vợ chồng.

[3.4] Xét Giấy khai sinh số 153, quyển số 1 do Ủy ban nH dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/9/1982 có cơ sở xác định Bà V Thị M H là con của ông V Đức Th và Bà Nguyễn Thị M.

[3.5] Xét căn cứ sổ hộ khẩu do Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/5/1995 và giấy chứng tử số 68; quyền số 02 do Ủy ban nH dân phường 9, Quận 10 cấp ngày 21/6/2002 có cơ sở xác định ông V Th S là con của ông V Đức Th, Bà Nguyễn Thị M và các đương sự khai ông V Th S đã chết năm 2002 không có vợ con.

[3.6] Xét giấy thế-vì khai- sanh số 31300/1958/ HG do Tòa hòa -Giải đô- Thành Sài Gòn cấp ngày 03/10/1968 và Giấy chứng tử số 99, quyền số 01 do Ủy ban nH dân phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/9/2004 có cơ sở xác định ông V Đình Tr là con của ông V Đức T, bà Nguyễn Thị Th và ông V Đình Tr đã chết năm 2004.

[3.7] Xét Trích lục chứng thư hôn thú số 192 do xã Châu Phú, quận Châu Phú- Việt Nam Cộng Hòa cấp ngày 01/6/1971 có cơ sở xác định ông V Đình Tr và Bà Trần Thị A là vợ chồng.

[3.8] Xét Khai sanh số hiệu 1627 cấp ngày 14/7/1971, Trích lục khai sinh số 1022/TLKS-BS ngày 17/4/2019; bản sao giấy khai sinh số 199 TA ngày 25/10/2010; bản sao giấy khai sinh số 90; quyền số 01 do Ủy ban nH dân Quận 10 cấp ngày 03/8/1979 và trích lục khai sinh số 111/TLKS-BS ngày 21/2/2018 có cơ sở xác định Bà V Thị Kim T, Bà V Thị Kim T, Ông V Đình B, Bà V Thị Kim C và V Thị Kim Chi là con của ông V Đình Tr và Bà Trần Thị A.

[3.9] Xét Giấy Thế-Vì khai- Sanh cho Bà V Thị H số 2768/HT do Tòa hòa - Giải Sài Gòn cấp ngày 03/8/1970 và trích lục khai sinh số 1656/TLKS-BS ngày 26/4/2019 của Bà V Thị N có cơ sở xác định bà Hiệu và bà N là con của ông V Đức T và bà Nguyễn Thị Th.

[3.10] Xét kết quả xác minh số 89/XM-TA ngày 02/4/2019 có trẻ Phan Duy A, sinh năm 2019 và Ông V Minh T, sinh năm 1984 cư trú tại căn nhà tranh chấp số 399/18 Lý Th Tổ, phường 9, Quận 10; do đó trẻ Duy Anh và ông Thuận là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án; trẻ Phan Duy A là con của ông Phan Tiến V và Bà V Thị M H, do đó ông V và bà H có tư cách tham gia tố tụng là người đại diện theo pháp luật của trẻ Duy Anh.

[3.11] Xét kết quả xác minh số 88/XM-TA ngày 02/4/2019 có trẻ V Như P, sinh năm 2007 cư trú tại căn nhà tranh chấp số 399/20 Lý Th T, phường M, Quận Hdo đó trẻ Phúc là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án và trẻ Phúc là con của Bà V Thị Kim T, do đó bà Thùy có tư cách tham gia tố tụng là người đại diện theo pháp luật của trẻ Phúc.

Xét Giấy thế-vì hôn- thú cho số 6052/1956/HG, do Tòa hòa- giải đô- thành Sài Gòn cấp ngày 16/10/1956 có cơ sở xác định ông V Đức T và Bà Nguyễn Thị Klà vợ chồng và cha mẹ của ông T và bà Kđã chết.

[3.12] Xét Giấy chứng tử 02, quyền số 01 do Ủy ban nH dân Quận 10 cấp ngày 16/01/1986 có cơ sở xác định ông V Đức T chết ngày 28/12/1985.

[3.13] Xét Bản sao trích lục khai tử số 230/TLKT-BS do Ủy ban nH dân phường 9, Quận 10 cấp ngày 13/6/2018 có cơ sở xác định Bà Nguyễn Thị K chết ngày 13/6/2018.

[3.14] Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của Bà V Thị M H, ông Phan Tiến V, Ông V Minh T, Bà V Thị Kim T, Ông V Đình B, bà V Thị Minh Châu và Văn phòng công chứng Tru T là hợp lệ nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[4] Về hàng thừa kế:

[4.1] Xét theo đơn khởi kiện bà K trình bày: ông Thảo chết lúc bà H được 7 tháng tuổi, bà H sinh ngày 01/01/1951 như vậy ông Thảo chết năm 1951; bà Q sinh năm 1943 lúc đó bà Q 8 tuổi. Năm 1952 bà K chung sống với ông T, ông T có vợ là bà Th (chết năm 1952). Thời điểm đó bà Q, bà H, bà N (sinh năm 1942), ông Tr (sinh năm 1944), bà Hiệu (sinh năm 1945), ông Th (sinh năm 1960) do đó bà Q, bà H, bà N, ông Tr, bà Hiệu và ông Th từ nhỏ đã về chung sống chung một nhà với bà K, ông T và có quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con; đồng thời trong giấy khai sinh bà Q và bà H mang họ V- cùng họ với ông T điều này chứng tỏ ông T đã đồng ý nhận bà Q và bà H là con của ông. Mặt khác tại phiên tòa các đương sự cũng thừa nhận từ nhỏ bà Q, bà H, bà Hiệu, bà N, ông Tr, ông Th đã chung sống chung một nhà với bà K và ông T. Từ những chứng cứ nêu trên căn cứ vào Điều 654 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà K được thừa kế di sản của ông Tr chết để lại; bà Q, bà H được thừa kế di sản do ông T chết để lại.

[4.2] Như pH tích tại các phần từ [3.2] đến [3.5] thì bà K, bà M và bà H là hàng thừa kế thứ nhất của ông V Đức Th theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự.

[4.3] Như pH tích tại các phần từ [3.6] đến [3.8] và [4.1] thì bà K, Bà Trần Thị A, Bà V Thị Kim T, Bà V Thị Kim T, Ông V Đình B, Bà V Thị Kim C và Bà V Thị Kim C là hàng thừa kế thứ nhất của ông V Đình Tr theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 và Điều 654 Bộ luật Dân sự.

[4.4] Như tại pH tích tại các phần từ [3.1]; [3.2]; [3.6]; [3.9] và [4.1] do ông T chết trước bà K thì bà K, bà H, bà Q, ông Th, ông Tr, bà Hiệu và bà N là hàng thừa kế thứ nhất của ông T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 và Điều 654 Bộ luật Dân sự.

[5] Về tài sản tranh chấp:

[5.1] Căn cứ công văn số 3827/CNQ10 ngày 20/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 10 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 24157/2001 do Ủy ban nH dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/10/2001 có cơ sở xác định căn nhà số 399/18 L Th T, Phường m,

Quận s, Thành phố k là tài sản thuộc sở hữu của ông V Đức T và bà Nguyễn Thị K.

[5.2] Xét công văn số 3841/CNQ10 ngày 22/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 10 có cơ sở xác định căn nhà số 399/20 L Th T, Phường m, Quận s, Thành phố k là tài sản thuộc sở hữu của ông V Đức T và Bà Nguyễn Thị Kdo ông T và bà Kmua của ông Phạm Tấn Thành theo giấy bán nhà có xác nhận của Quận trưởng Quận 5 ngày 30/7/1965 và đã được trước bạ ngày 27/6/1973.

[5.3] Xét di chúc số No 007561, quyền số 07TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/7/2017 tại Văn phòng công chứng Tru T của bà Nguyễn Thị K được lập thành văn bản có công chứng, tại thời điểm lập di chúc có giấy chứng nhận sức khỏe số 177/GCN-BVQ10 ngày 29/6/2017 của Bệnh viện Quận 10 xác nhận: tình trạng tâm thần kinh đủ khả năng lập di chúc; khi lập di chúc có 2 người làm chứng ; do đó căn cứ vào các Điều 624; 625; 626; 627;628; 630; 631 và Điều 632 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì di chúc của bà Klà hợp pháp nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của LBà V Thị Q và Bà V Thị H chia di sản của bà Kđể lại theo di chúc của bà K.

[5.4] Xét yêu cầu của bà Avề phần di sản của ông T đã hết thời hiệu chia thừa kế do đó bà không đồng ý chia thừa kế; Hội đồng xét xử xét thấy ông V Đức T chết ngày 28/12/1985 căn cứ vào Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nH dân tối cao thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế tính từ ngày 10/9/1990; ngày 19/7/2017 bà Knộp đơn khởi kiện; căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2105 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với bất động sản là 30 năm; do đó, thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với phần di sản của ông T còn. Ông T chết không để lại di chúc, do đó phần di sản của ông T chia theo pháp luật; yêu cầu này của bà Akhông có cơ sở để chấp nhận.

[6] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bên đều thống nhất giá trị tài sản theo biên bản định giá căn nhà số 399/18 Lý Th T, phường M, Quận Hlà 3.101.714.179 đồng (ba tỷ, một trăm lẻ một Tr, bảy trăm mười bốn nghìn, một trăm bảy mươi chín đồng) và căn nhà số 399/20 Lý Th T, phường M, Quận H là 2.699.546.240 đồng (hai tỷ, sáu trăm chín mươi chín Tr, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi đồng). Đối với chi phí định giá tài sản, đo vẽ 02 căn chia thừa kế nguyên đơn tự nguyện chịu. Xét đây là ý chí của nguyên đơn và không trái quy định pháp luật nên ghi nhận.

[7] Về pH chia phần thừa kế của các bên như pH tích nêu trên do đó, phần sở hữu của các bên được xác định như sau:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 phần sở hữu của ông T $\frac{1}{2}$ của căn nhà 399/18 Lý Th T, phường M, Quận Hvà $\frac{1}{2}$ căn nhà số 399/20 Lý Th T, phường M, Quận H chia làm 7 phần cho các đồng thừa kế sau: Bà K, ông Th, ông Tr, bà N, bà Hiệu, bà Q và bà H; mỗi người được hưởng $\frac{1}{14}$ phần.

Do ông Th chết năm 2003 (chết trước bà K) căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 phần di sản thừa kế của ông Th chia làm 3 phần cho các đồng thừa kế sau: Bà K, bà M và bà M H. Mỗi người được hưởng 1/42 phần.

Do ông Tr chết năm 2004 (chết trước bà K) căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 và Điều 654 Bộ luật dân sự năm 2015 phần di sản thừa kế của ông Tr chia làm 7 phần cho các đồng thừa kế sau: Bà K, bà Ánh, bà Kim T, bà Chi, bà Thùy, ông Bảo và bà Châu. Mỗi người được hưởng 1/98 phần.

Phần sở hữu của bà K trong căn nhà 399/18 Lý Th T, phường M, Quận H là 89/147 phần và căn nhà số 399/20 Lý Th T, phường M, Quận H là 89/147 phần; chia cho bà Q và bà H theo di chúc của bà K. Mỗi người được hưởng 89/294 phần.

[8] Về công sức đóng góp và sửa chữa trong căn nhà số 399/18 Lý Th T, phường M, Quận H và 399/20 Lý Th T, phường 9, Quận 10; theo đơn yêu cầu ngày 09/10/2018 và Biên bản làm việc ngày 17/4/2019 bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết công sức đóng góp, sửa chữa theo đơn ngày 09/10/2018 nhưng tại phiên tòa các đồng thừa kế gồm: Bà Q, bà H, bà N và bà M đồng ý tự nguyện hỗ trợ cho bà A tiền sửa chữa, công sức đóng góp căn nhà 399/20 Lý Th T, phường M, Quận H theo như bà A trình bày 48.000.000 đồng thì bà Q, bà H, bà N và bà M mỗi người chịu 12.000.000 đồng sẽ giao cho bà A khi nhận phần di sản thừa kế của mình. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự và không trái quy định pháp luật nên ghi nhận.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Các bên đương sự được hưởng phần tài sản của mình trong khối di sản thừa kế thì mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được chia, được hưởng theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà K, bà Q, bà H, bà Ánh, bà N và bà H được miễn nộp tiền án phí.

Số tiền tạm ứng án phí của bà K hoàn trả lại cho các đồng thừa kế: bà Q, bà H, bà M, bà M H, bà N, bà H, bà Ánh, bà Kim T, bà C, bà T, ông B và bà Ch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 207, 208, 624, 625, 626, 627; 628, 630; 631, 632, 651 và Điều 654 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 7 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là LBà V Thị Q và Bà V Thị H.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của LBà V Thị Q và Bà V Thị H về yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc và chia theo pháp luật đối với tài sản là căn nhà số 399/18 L Th T, Phường m, Quận s, Thành phố k và 399/20 L Th T, Phường m, Quận s, Thành phố k là di sản do ông V Đức T và Bà Nguyễn Thị Kchết để lại.

Công nhận di chúc số No 007561, quyền số 07TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/7/2017 tại Văn phòng công chứng Tru T của Bà Nguyễn Thị Khợp pháp.

Chia di sản của ông T và bà Knhư sau:

Đối với nhà số 399/18 L Th T, Phường m, Quận s, Thành phố k :

- LBà V Thị Q được sở hữu 55/147 phần.
- Bà V Thị H được sở hữu 55/147 phần.
- Bà Trần Thị A, Bà V Thị Kim T, Bà V Thị Kim T, Ông V Đình B, Bà V Thị Kim C và Bà V Thị Kim C; mỗi người được sở hữu 1/98 phần.
- Bà V Thị N và Bà V Thị H mỗi người được sở hữu 1/14 phần.
- Bà Nguyễn Thị M và Bà V Thị M H mỗi người được sở hữu 1/42 phần.

Đối với nhà số 399/20 L Th T, Phường m, Quận s, Thành phố k :

- LBà V Thị Q được sở hữu 55/147 phần.
- Bà V Thị H được sở hữu 55/147 phần.
- Bà Trần Thị A, Bà V Thị Kim T, Bà V Thị Kim T, Ông V Đình B, Bà V Thị Kim C và Bà V Thị Kim C; mỗi người được sở hữu 1/98 phần.
- Bà V Thị N và Bà V Thị H mỗi người được sở hữu 1/14 phần.
- Bà Nguyễn Thị M và Bà V Thị M H mỗi người được sở hữu 1/42 phần.

2/ Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của LBà V Thị Q, Bà V Thị H, Bà V Thị N và Bà Nguyễn Thị M mỗi người chịu 12.000.000 đồng (mười hai Tr đồng) tiền công sức đóng góp, sửa chữa căn nhà số 399/20 L Th T, Phường m, Quận s, Thành phố k giao cho Bà Trần Thị A khi nhận phần di sản thừa kế.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà K, bà Q, bà H, bà Ánh, bà N và bà Hiệu được miễn nộp tiền án phí.

Tiền án phí đối với nhà số 399/18 L Th T, Phường m, Quận s, Thành phố k như sau:

- Bà Nguyễn Thị M và Bà V Thị M H mỗi người phải chịu án phí 3.692.517 đồng (ba Tr, sáu trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm mười bảy đồng).

- Bà V Thị Kim T, Bà V Thị Kim T, Ông V Đình B, Bà V Thị Kim C và Bà V Thị Kim C mỗi người chịu án phí 1.582.507 đồng (một Tr năm trăm T mươi hai ngàn, năm trăm lẻ bảy đồng).

Tiền án phí đối với nhà số 399/20 L Th T, Phường m, Quận s, Thành phố k như sau:

-Bà Nguyễn Thị M và Bà V Thị M H mỗi người phải chịu án phí 3.213.746 đồng (ba Tr, hai trăm mười ba ngàn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng).

-Bà V Thị Kim T, Bà V Thị Kim T, Ông V Đình B, Bà V Thị Kim C và Bà V Thị Kim C mỗi người chịu án phí 1.377.320 đồng (một Tr ba trăm bảy mươi bảy ngàn, ba trăm hai mươi đồng).

Hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị K số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu Tr đồng) tạm ứng án phí bà K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0040031 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cho các đồng thừa kế của bà K là bà Q, bà H, bà N, bà H mỗi người 6.000.000 đồng (sáu Tr đồng) ; bà M và bà M H mỗi người 3.000.000 đồng (ba Tr đồng); bà Ánh, bà Kim T, bà Chi, bà Thùy, ông Bảo và bà Châu mỗi người 1.000.000 đồng (một Tr đồng).

Hoàn trả cho Bà V Thị H số tiền 22.503.151 đồng (Hai mươi hai Tr năm trăm lẻ ba ngàn một trăm năm mươi một đồng) tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0017194 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho LBà V Thị Q số tiền 22.503.151 đồng (Hai mươi hai Tr năm trăm lẻ ba ngàn một trăm năm mươi một đồng) tạm ứng án phí bà Q đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/ 0017193 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

3/Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Thị Minh Tú